Bảng phân bổ tiền tố mã quốc gia GS1 (GS1 Company Prefix)

vn.tieu-chuan-do-luong.ma-so-ma-vach-dinh-danh-san-pham.ma-quoc-gia-gs1-prefix

Bảng liệt kê các GS1 Prefix và tổ chức GS1 hoặc mục đích sử dụng tương ứng. GS1 lưu ý rằng GS1 Prefix không xác định quốc gia xuất xứ của sản phẩm; tiền tố 893 được phân bổ cho GS1 Vietnam.

Version 2026.10.01 · Cập nhật 2026-10-01 · Chính sách cập nhật event-driven

ĐIỂM NỔI BẬT

TIỀN TỐ GS1 VIỆT NAM

893

GS1 Prefix

Phân bổ cho GS1 Vietnam

DỮ LIỆU

893 — GS1 Vietnam

Chỉ tiêu báo giá: GS1 Prefix allocation · Ngày quan sát: 2026-10-01 · Địa bàn: Vietnam

NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: 2026.10.01
Cập nhật: 2026-10-01
Giấy phép: GS1 AISBL Public Reference

GS1 — GS1 Company Prefix
https://www.gs1.org/standards/id-keys/company-prefix

GS1 AISBL — GS1 General Specifications, Release 26.0
https://www.gs1.org/standards/genspecs/

GS1 Global Office Customer Service — Does the GS1 Prefix show the country of origin?
https://support.gs1.org/support/solutions/articles/43000734188-does-the-gs1-prefix-first-3-digits-of-the-ean-13-barcode-number-show-the-country-of-origin-

GS1 Việt Nam — About GS1 Vietnam
https://gs1vn.org.vn/gs1/gs1-vietnam?lang=en

GS1 — GS1 General Specifications, Release 26.0
https://ref.gs1.org/standards/genspecs/